TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-11-2024
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Bà Huỳnh Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Tín, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Văn Long.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ H, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ H, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 và quá trình tố tụng tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H *trình bày:* Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kiều T có tìm hiểu, thấy tình cảm giữa hai người thương yêu nhau nên chúng tôi quyết định chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi sống chung với nhau từ năm 2004 tại địa chỉ Tổ H, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Việc sống chung như vợ chồng của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc bởi bất cứ ai. Thời gian đầu, vợ chồng chúng tôi sống có hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 07/2024, chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không

hợp tính nhau, từ đó vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau, xung đột, bất đồng quan điểm.

Tại Toà ông H yêu cầu được ly hôn bà Lê Thị Kiều T để tôi được tự do, cả hai có cơ hội xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Giữa chúng tôi đã ly thân từ tháng 08/2024. Trong thời gian ly thân chúng tôi không qua lại chăm sóc lẫn nhau.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung Nguyễn Hoàng T1, giới tính: nam, sinh ngày: 27/12/2004 và Nguyễn Hoàng L, giới tính: nam, sinh ngày: 10/01/2011. Hiện tại, con Nguyễn Hoàng L đang ở chung với bà T. Khi ly hôn, ông H đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng L và không cấp dưỡng nuôi con.

Và con chung Nguyễn Hoàng T1 đã trưởng thành, phát triển bình thường có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Lê Thị Kiều T *xác nhận:* Về việc tiến tới hôn nhân, chung sống và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng theo ông H trình bày là đúng. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chúng tôi có bàn bạc việc thương lượng đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả và chúng tôi tự sống ly thân tháng 8/2024 đến nay. Cuộc sống riêng đã ổn định nên tôi nhất trí ly hôn.

Chúng tôi có 02 người con chung như ông H trình bày. Nếu ly hôn bà T yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Hoàng L và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Kiều T nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T hiện cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo xác nhận của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kiều T thì hai người tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và ông H yêu cầu ly hôn bà T đồng ý.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng nẩy sinh là có thật, do họ không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông H và bà T vi phạm điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia

đình, theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 27-12-2004 (đã trưởng thành). Con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 10-01-2011. Bà T yêu cầu được nuôi con, ông H đồng ý. Xét sự thỏa thuận của đương sự đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao con cho bà T nuôi. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Sau này bà T ông H còn quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồng bà T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 8, 9, 14, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kiề T2 là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 27-12-2004 (đã trưởng thành). Bà T2 được quyền nuôi con chung Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 10-01-2011, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003707 ngày 08-10-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Ông T2 đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND h.Long Điền;
- Thi hành án dân sự h.Long Điền ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc